

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng
tuyến đường ĐH.04 (đoạn qua xã Bình Long – Bình Tân Phú)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách tỉnh cấp so với HĐND tỉnh giao năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn khóa XII - Kỳ họp thứ 5 về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.04 (đoạn qua xã Bình Long - Bình Tân Phú);

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND huyện Bình Sơn về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Sơn tại Tờ trình số 204/TTr-BQLDA ngày 28/6/2022 và của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Kết quả thẩm định số: 40/KTHT-KQTD ngày 11/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.04 (đoạn qua xã Bình Long – Bình Tân Phú), với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.04 (đoạn qua xã Bình Long – Bình Tân Phú).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Bình Sơn.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư; giải pháp thiết kế cơ sở

4.1. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.04 (đoạn qua xã Bình Long–Bình Tân Phú) nhằm từng bước nâng cấp hệ thống giao thông các tuyến đường huyện theo quy hoạch, tăng năng lực khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội ngày một nâng cao; đảm bảo giao thông thông suốt cho người và phương tiện tham gia giao thông trên tuyến; phục vụ Nhân dân đi lại thuận lợi, an toàn góp phần phát triển kinh tế – xã hội cho địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng

- Chiều dài tuyến L=6.000m.

- Điểm đầu: Tại Km0+180.

- Điểm cuối: Tại Km6+180.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

| TT | Chỉ tiêu kỹ thuật | Đơn vị | Thông số |
|-----|--|--------|----------------------------|
| 1 | Cấp thiết kế đường (TCVN 4054-2005) | | Cấp VI – Đồng bằng |
| 2 | Tốc độ thiết kế | Km/h | 30 |
| 3 | Bề rộng | | |
| | + Nền đường | m | 6,5m |
| | + Mặt đường và lề gia cố | m | $3,5+(2 \times 1,0)m=5,5m$ |
| | + Lề đường | m | $2 \times 0,25m=0,5m$ |
| 4 | Dốc ngang mặt đường và lề gia cố | % | 2 |
| 5 | Dốc ngang lề đường | % | 4 |
| 6 | Kết cấu mặt đường, lề gia cố | | BTXM, BTN |
| 7 | Tải trọng thiết kế | | |
| 7.1 | Tuyến | Tấn | 10 (100kN) |
| 7.2 | Cống qua đường | | H30 - XB80 |
| 8 | Tần suất thiết kế (tuyến, công trình trên tuyến) | % | 4 |
| 9 | Hệ thống an toàn giao thông | | QCVN 41:2019/BGTVT |

4.3. Giải pháp thiết kế cơ sở

4.3.1. Bình đồ: Hướng và tìm tuyến thiết kế bám theo đường hiện trạng, tuân thủ các điểm khống chế là điểm đầu và cuối tuyến kết nối với đường hiện hữu, phù hợp với địa hình, đảm bảo yếu tố kỹ thuật của cấp hạng tuyến đường

thiết kế.

4.3.2. Trắc dọc: Thiết kế cao độ đường đở theo cao độ các điểm không chế tại điểm kết nối với các đường hiện hữu, cao độ thiết kế công trình thoát nước, một số đoạn tuyến bám theo cao độ đường hiện trạng, cao trình khu vực dân cư sinh sống, phù hợp với bình đồ, trắc ngang thiết kế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo cấp hạng tuyến đường thiết kế.

4.3.3. Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế với quy mô bề rộng nền $B_n=6,5m$, bề rộng mặt đường và lề gia cố $B_m=5,5m$, bề rộng lề đường $B_l=2 \times 0,25m=0,5m$; Mặt đường dốc ngang 2 mái hoặc 1 mái, khi vào đường cong bán kính nhỏ, có bố trí siêu cao phù hợp, với độ dốc siêu cao lớn nhất là 6%; độ dốc lề đường 4%.

4.3.4. Nền đường: Tận dụng mặt đường láng nhựa, BTXM hiện hữu; đối với các đoạn tuyến thiết kế vượt nối về mặt đường hiện trạng và phạm vi mặt đường mở rộng, đào đến cao trình thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

4.3.5. Kết cấu mặt đường và lề gia cố (các lớp từ trên xuống):

a) Đoạn Km0+180 – Km0+509 và Km3+727 – Km4+289: Thiết kế kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Phạm vi mặt đường láng nhựa hiện hữu: Lớp bê tông xi măng M350 dày 22cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max}=25mm$.

- Phạm vi mặt đường mở rộng, đào khuôn vượt về đường hiện trạng: Lớp bê tông xi măng M350 dày 22cm; lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max}=25mm$ dày 15cm.

b) Các đoạn tuyến còn lại: Thiết kế kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Phạm vi mặt đường láng nhựa, bê tông xi măng hiện hữu tận dụng được: Lớp BTN C19 dày 7cm; Bù vênh bằng BTN C19 trên mặt đường cũ, có gia cường lưới cốt sợi thủy tinh trên mặt đường bê tông xi măng trước khi thảm bê tông nhựa.

- Phạm vi mặt đường láng nhựa hiện hữu bị hư hỏng: Lớp BTN C19 dày 7cm; móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm, trên mặt đường láng nhựa cũ được cày sọc, bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại 1.

- Phạm vi mặt đường mở rộng: Lớp BTN C19 dày 7cm; lớp cấp phối đá dăm loại 1 $D_{max}=25mm$ dày 30cm.

4.3.6. Lề đường bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$. Gia cố lề bằng bê tông xi măng những đoạn tuyến bố trí mương hộp thoát nước dọc.

4.3.7. Nút giao thông: Thiết kế nút giao đơn, giao cắt cùng mức, vượt nối êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông, kể cả đường dân sinh. Kết cấu mặt đường nút giao như kết cấu mặt đường tuyến chính.

4.3.8. Thoát nước dọc:

- Tận dụng rãnh hộp hiện hữu, nâng thành rãnh phù hợp.

- Thiết kế rãnh hộp BTCT M200, đan đập bằng BTCT M250 đối với những đoạn tuyến cần thiết qua khu vực nhà dân.

4.3.9. Thoát nước ngang:

- Tận dụng các công thoát nước ngang, cầu hiện hữu trên tuyến còn sử dụng tốt, nâng tường đầu công.

- Thiết kế bổ sung 01 công V(50x50)cm, nối dài 01 công tròn D1000. Kết cấu: Ống công vuông bằng BTCT M250, ống công tròn bằng BTCT M200; Tường đầu, tường cánh bằng bê tông M150; Móng tường đầu, tường cánh, chân khay, sân công bằng bê tông M150; Gia cường cốt thép đối với tấm BTXM trên công và các tấm BTXM đầu công để chịu lực, êm thuận.

4.3.10. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế cọc tiêu, biển báo,... theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/ BGTVT.

5. Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động: Có thuyết minh giải pháp bảo vệ môi trường trên tuyến, thiết kế phòng chống cháy nổ và an toàn lao động trong thi công đảm bảo yêu cầu.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi và Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Anh Hưng.

- Chủ nhiệm đồ án: Ông Nguyễn Anh Dũng, mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HAD-00041106.

7. Nhà thầu tư vấn thẩm tra hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra tổng mức đầu tư và giá trị khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Kiến Huy.

- Chủ trì thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra tổng mức đầu tư: Ông Phạm Tiến Vương, mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số: HNT-00136540, KTE-00136540.

8. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích sử dụng đất: Xây dựng trên diện tích đất đường cũ nên không thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

9. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm C; công trình giao thông, cấp IV.

10. Số bước thiết kế; danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được lựa chọn

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn

a) Khảo sát: Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN263-2000; TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát; TCCS 31:2020/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu; Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình TCVN9437-2012; Quy phạm khảo sát và tính toán thủy văn TCVN9845-2013; Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN43-90; Công tác trắc địa trong xây dựng TCVN9398-2012; Quy trình đánh giá tác động môi trường 22TCN242-98; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo

sát hiện hành có liên quan khác.

b) Thiết kế: Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN4054-2005; Áo đường cứng đường ô tô – Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN223-95; Quyết định số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012 về Ban hành Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông; TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế; TCCS 39:2020/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông; TCCS 40:2020/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông; lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô – vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859-2011; Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819-2011; công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012; Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41:2019/BGTVT; Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn 22TCN18-79 (áp dụng đối với thiết kế cống); kết cấu bê tông và bê tông cốt thép -Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574 - 2018; các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư : 22.000.000.000 đồng
(Hai mươi hai tỷ đồng)

Trong đó:

| | | |
|-------------------------|---|---------------------|
| - Chi phí xây dựng | : | 17.753.614.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | : | 442.711.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD | : | 1.267.746.000 đồng |
| - Chi phí khác | : | 335.438.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng | : | 2.200.491.000 đồng |

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 – 2024.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Kế hoạch vốn bố trí theo kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Bình Sơn.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và thực hiện dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có): Thực hiện theo quy định.

16. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Bình Sơn chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi nêu tại Công văn số: 1423/SGTVT-QLCL ngày 17/6/2022, của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện nêu tại Kết quả thẩm định số: 40/KTHT-KQTĐ ngày 11/7/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Sơn; Chủ tịch UBND các xã: Bình Long, Bình Thanh, Bình Tân Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND huyện (b/cáo);
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu VT, XD.

Võ Văn Đồng